

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HS-ST
Ngày 28/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Đình Dũng.

2 Bà: Nguyễn Thị Anh Thư.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, Thư ký Tòa án của nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Vy Quý Viên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 đến 28 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST - HS, ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị N, sinh ngày 18/5/1963 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ A, nay là tổ dân phố B, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kinh doanh khách sạn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); chồng: Lê V, sinh năm 1962, có hai con sinh năm 1986 và sinh năm 1988; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 04/01/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị X, sinh ngày 02/01/1972 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Tập vụ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần B và bà Nguyễn Thị M; chồng: Phạm Ngọc T (chết); có ba con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 04/01/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh N (M), sinh năm 1990; Địa chỉ: Nhà số A đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Chị Y T (N), sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn A, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Ông Phan Tấn V, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5. Ông Lê V, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ A, nay là tổ dân phố B, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ A, nay là tổ dân phố B, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khách sạn N địa chỉ tổ A, nay là tổ dân phố B, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Phạm Thị N quản lý, N thuê Trần Thị X làm nhân viên dọn phòng. Trong quá trình kinh doanh thu không đủ chi nên N và X có sự thống nhất khi có khách đến nghỉ ở khách sạn có nhu cầu mua dâm thì sử dụng điện thoại số 01679... của khách sạn để liên hệ với gái bán dâm đến bán dâm, khách sạn thu tiền của khách với số tiền 550.000 đồng cho mỗi lượt mua bán dâm (N lấy tiền phòng 100.000 đồng, gái bán dâm hưởng 250.000 đồng, N thu lợi bất chính 200.000 đồng).

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/12/2017, Phạm Thị N đang ngủ, Trần Thị X đang trực quầy lễ tân thì có ông Phan Tấn V và ông Nguyễn Minh V đến thuê 02 phòng và yêu cầu gọi 02 gái bán dâm để mua dâm. X đồng ý và yêu cầu đưa tiền mua dâm và tiền phòng là 550.000 đồng/01 lần/01 người. Sau khi nhận 1.100.000 đồng thì Trần Thị X sử dụng số điện thoại 01679... gọi cho Y T (số điện thoại 097...) và Nguyễn Thị Thanh N (số điện thoại 097...) đến khách sạn N để bán dâm. Khoảng 15 phút sau, T và N đến khách sạn, X nói N lên phòng 203 để bán dâm cho V, T lên phòng 201 để bán dâm cho V. Trong lúc N và V, T và V đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 201 và 203 của khách sạn N thì bị Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang; Tang vật thu giữ gồm: Tiền Việt Nam: 1.100.000 đồng; 01 bao cao su đã qua sử dụng kèm vỏ bao cao su hiệu VISTA – SE; 01 bao cao su đã qua sử dụng kèm vỏ bao cao su hiệu OKUBO; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu FPT; 01 điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA, 1 điện thoại di động màu xanh đỏ, nhãn hiệu NOKIA.

Bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 13 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố Phạm Thị N, Trần Thị X về tội **“Chứa mại dâm”** theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thị N từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, g khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thị X từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu FPT, có số IMEL: 980029006535507 có số điện thoại 01679... Đây là tài sản dùng vào việc phạm tội, gọi điện cho gái bán dâm đến khách sạn để mua bán dâm nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 03 (ba) tờ tiền polime (hai tờ 500.000 đồng và một tờ 100.000 đồng) trị giá 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng). Đây là số tiền dùng vào việc mua bán dâm nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 02 (Hai) bao cao su đã qua sử dụng kèm vỏ bao cao su hiệu VISTA – SE và OKUBO không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- Chiếc điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA, có số IMEL: 357341088975930 có số điện thoại 097..., Cơ quan Điều tra xác định là tài sản của Nguyễn Thị Thanh N nên Cơ quan Điều tra đã trả cho Nguyễn Thị Thanh N, N không còn yêu cầu gì khác nên không xét.

- Chiếc điện thoại di động màu xanh đỏ, nhãn hiệu NOKIA, có số IMEL: 35502005031361 có số điện thoại 097... Cơ quan Điều tra xác định là tài sản của Y T nên Cơ quan Điều tra đã trả cho Y T, Y T không còn yêu cầu gì khác nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh N (M), Y T (N), ông Phan Tấn V, ông Nguyễn Minh V và ông Lê V; người làm chứng chị Lê Thị Ngọc V; Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, tại hồ sơ thể hiện họ trình bày rõ tất cả các nội dung có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ, mặt khác họ đã nhận lại tài sản không có ý kiến thắc

mắc gì; sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị N và Trần Thị X khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, vật chứng của vụ án cùng những chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/12/2017, Phạm Thị N ngủ tại khách sạn, Trần Thị X làm tại quầy lễ tân thì có hai khách là Nguyễn Minh V và Phan Tấn V vào khách sạn yêu cầu Trần Thị X cho thuê hai phòng và yêu cầu gọi cho hai gái bán dâm để khách mua dâm, sau khi trao đổi hai bên thống nhất với một phòng và một gái bán dâm phục vụ, khách phải trả 550.000đồng; Bị cáo X đã nhận 1.100.000 đồng và sử dụng số điện thoại 01679... gọi cho Y T và Nguyễn Thị Thanh N đến khách sạn N để bán dâm tại phòng số 203 và phòng 201 cho Nguyễn Minh V và Phan Tấn V, trong khi N và V đang mua bán dâm tại phòng số 203; T và V đang mua bán dâm tại phòng 201 của khách sạn N thì bị bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị N và Trần Thị X đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Chứa mại dâm”** được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi chứa mại dâm Phạm Thị N và Trần Thị X đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố Phạm Thị N và Trần Thị X về tội **“Chứa mại dâm”** theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị N và Trần Thị X là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh và đạo đức xã hội chủ nghĩa nên cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương ứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5.1] Bị cáo Phạm Thị N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng thiếu tu dưỡng rèn luyện đạo đức lối sống, bị cáo đã thực hiện hành vi dùng khách sạn của mình và do mình quản lý để chứa mại dâm nhằm thu lợi bất chính nên đã vi phạm pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha bị cáo là Phạm Văn N đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Phạm Thị N có nhân thân tốt, có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng; xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù; cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5.2] Bị cáo Trần Thị X là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là người làm công cho Phạm Thị N hưởng lương theo tháng với công việc dọn phòng; nhận thức được hành vi của Phạm Thị N chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản, từ chối mà lại giúp N thực hiện hành vi gọi gái bán dâm đến và bố trí phòng của khách sạn cho khách mua bán dâm là đồng phạm với Phạm Thị N phạm tội chứa mại dâm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, chồng chết năm 2015; bị cáo nuôi ba người con, có hai con bị bệnh khuyết tật và thân kinh đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s, g khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Thị X có nhân thân tốt, có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng; xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù; cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Hành vi **“Bán dâm”** của Nguyễn Thị Thanh N và Y T đã vi phạm vào khoản 01, Điều 23, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng cháy và chữa cháy; Phòng, chống bạo lực gia đình. Công an thành phố Quảng Ngãi đã xử phạt hành chính đối với N và T là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Hành vi **“Mua dâm”** của Phan Tấn V và Nguyễn Minh V phạm vào khoản 01, Điều 22, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng cháy và chữa cháy; Phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, qua xác minh địa chỉ của V và V thì không có người nào tên Phan Tấn V và Nguyễn Minh V. Công an thành phố Quảng Ngãi tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với ông Lê V là chồng của bị cáo Phạm Thị N, là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N với ngành, nghề kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn N. Việc các bị cáo N và X sử dụng khách sạn N để chứa mại dâm thì ông V không biết nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Lê V là đúng pháp luật.

[9] Về vật chứng:

- Chiếc điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA, có số IMEL: 357341088975930 có số điện thoại 097... Xác minh là tài sản cá nhân của Nguyễn Thị Thanh N, Cơ quan điều tra đã trả cho Nguyễn Thị Thanh N là đúng pháp luật. Sau khi nhận lại điện thoại cho đến nay Nguyễn Thị Thanh N không có yêu cầu, khiếu nại gì về tài sản đã nhận nên không xem xét.

- Chiếc điện thoại di động màu xanh đỏ, nhãn hiệu NOKIA, có số IMEL: 35502005031361 có số điện thoại 097... là tài sản cá nhân của Y T, không phải là phương tiện, công cụ phạm tội, đã trả cho Y T là đúng pháp luật. Sau khi nhận lại điện thoại cho đến nay Y T không có yêu cầu, khiếu nại gì về tài sản đã nhận nên không xem xét.

- Chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu FPT, có số IMEL: 980029006535507 có số điện thoại 01679... Đây là tài sản của Phạm Thị N dùng

gọi cho người bán dâm đến khách sạn; là công cụ, phương tiện phạm tội cần phải tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 03 (ba) tờ tiền polime (hai tờ có mệnh giá 500.000 đồng và một tờ có mệnh giá 100.000 đồng) tổng trị giá 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng). Đây là số tiền dùng vào việc mua bán dâm, phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 02 (Hai) bao cao su đã qua sử dụng kèm vỏ bao hiệu VISTA – SE và OKUBO không còn giá trị sử dụng, phải tịch thu tiêu hủy.

Đối với cuốn sổ có nội dung thu, chi thể hiện thu tiền phòng ngày 27/12/2017 của khách sạn N là chứng cứ của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, phần hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 24 (**Hai mươi bốn**) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (**Bốn mươi tám**) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Giao bị cáo Phạm Thị N cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo N phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm g, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị X phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị X 12 (**Mười hai**) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (**Hai mươi bốn**) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị X cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo X phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp

với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu FPT, có số IMEL: 980029006535507, có số điện thoại 01679... và 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng) (hai tờ mệnh giá 500.000 đồng và một tờ mệnh giá 100.000 đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) bao cao su đã qua sử dụng kèm vỏ bao cao su một hiệu VISTA – SE và một hiệu OKUBO.

Đối với cuốn sổ ghi chép tiền thu chi hàng ngày của khách sạn N là chứng cứ nên lưu vào hồ sơ vụ án.

(Vật chứng tịch thu sung công, tiêu hủy theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 19/7/2018 của Công an thành phố Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Phạm Thị N và Trần Thị X mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QNgãi;
- VKSND TP, tỉnh QNgãi;
- CQĐT CATP.QNgãi;
- CQ THAHS CATP.QNgãi;
- NTG CATP.QNgãi;
- CC THADS TP.QNgãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Hậu